



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 08, THÁNG 4, 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

- Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản
- Nam Phi thông báo việc cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mẫu mới để tái xuất



- Việt Nam tổ chức thành công phiên rà soát chính sách Thương Mại lần thứ hai tại WTO

- Phiên họp thường kỳ lần thứ 79 ủy ban SPS/WTO

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 22/GP-XBBT ngày 23/3/2021 của Cục Báo chí,

Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

Thông tin - Hoạt động

- Việt Nam tổ chức thành công phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ hai tại WTO. **3**
- Phiên họp thường kỳ lần thứ 79 Ủy ban SPS/WTO. **5**
- Hội nghị “Phổ biến cam kết về SPS trong các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới và cập nhật yêu cầu về SPS tại một số thị trường trọng điểm” **7**

Ý kiến - Trao đổi

- Nhật Bản đề xuất thay đổi mức giới hạn dư lượng tối đa đối với: azoxystrobin, bixafen, cyflufenamid, pyrifluquinazon và pyriproxyfen. **8**
- Bộ Nông nghiệp nông thôn và Tổng cục hải quan Trung Quốc ban hành liên thông tư bổ sung 5 loài dịch hại kiểm dịch thực vật. **11**
- EU thông báo về việc cho phép L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật và cơ sở L-lysin lỏng làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. **14**
- Niu Di - Lân: Đề xuất sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05). **15**
- Nam Phi thông báo việc cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mẫu mới để tái xuất **15**
- Tổng cục hải quan Trung Quốc ban hành các quy định về quản lý an toàn thực phẩm xuất khẩu, thay thế một loạt các quy định đã ban hành trước đó. **16**
- Úc đưa ra thông báo về khả năng sửa đổi phụ lục 20 của bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di - Lân sửa đổi. **17**
- Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản. **18**

Văn bản mới

- Dự thảo qui định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 4/2021 **19**



"TRADE POLICY REVIEW MECHANISM (TPRM)"

(Ảnh: nguồn internet)

VIỆT NAM TỔ CHỨC THÀNH CÔNG PHIÊN RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI LẦN THỨ HAI TẠI WTO

TS. Ngô Xuân Nam

Phó giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Theo các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), bên cạnh việc đàm phán và giải quyết tranh chấp, công tác rà soát chính sách thương mại là một trong ba cột trụ chính của WTO, được tiến hành định kỳ đối với tất cả các thành viên nhằm bảo đảm sự minh bạch trong việc thực hiện các cam kết và nghĩa vụ theo WTO. Theo quy định của WTO, Việt Nam nằm trong số các quốc gia thành viên phải thực hiện rà soát chính sách thương mại với chu kỳ là 7 năm/lần. Phiên rà soát chính sách thương mại lần đầu tiên của Việt Nam đã diễn ra vào năm 2013 tại Geneva, Thụy Sĩ.

Sau rất nhiều công sức chuẩn bị và đối mặt với nhiều khó khăn vì diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trên toàn thế giới, Phiên rà soát chính sách thương mại (TPR) lần thứ 2 của Việt Nam giai đoạn 2013 - 2019 trong khuôn khổ WTO đã được diễn ra theo hình thức trực tuyến vào cuối tháng 4 vừa qua tại Hà Nội. Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ 2 cho giai đoạn 2013 – 2019 của Việt Nam đã kết thúc thành công tốt đẹp.

Được sự chỉ đạo và quan tâm của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành liên quan và Phái đoàn Việt Nam tại Giơ-ne-vơ, Văn phòng SPS Việt Nam cùng với Bộ Công Thương dự thảo và hoàn thiện các nội dung liên quan đến rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam



(Ảnh: nguồn internet)

liên quan đến lĩnh vực An toàn thực phẩm và Kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong giai đoạn từ 2013-2019 vừa qua, đồng thời cung cấp dữ liệu, rà soát và góp ý cho Báo cáo của Ban Thư ký WTO phục vụ cho Phiên TPR. Tất cả các báo cáo này đều được các thành viên WTO đánh giá cao về chất lượng thông tin, thể hiện toàn diện và chi tiết những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn rà soát.

Trong giai đoạn từ 2013-2019, trong số những thay đổi lớn nhất về Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực An toàn thực phẩm, Kiểm dịch động thực vật có một số nội dung đáng chú ý như sau:

- Hệ thống thể chế và pháp lý đã được tiến hành hoàn thiện bao gồm hệ thống văn bản luật và quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực SPS: Luật An toàn thực phẩm (2010); Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (2013); Luật Thú y (2015); Luật Thủy sản (2017); Luật Chăn nuôi (2018); Luật Trồng trọt (2018) cùng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết việc thực thi các bộ Luật này.



(Ảnh: nguồn internet)

- Các đơn vị trong mạng lưới SPS đã có sự phối hợp chặt chẽ, sau hơn 13 năm gia nhập WTO, Văn phòng SPS Việt Nam đã tiến hành thông báo hơn 100 dự thảo các biện pháp SPS cho Ủy ban SPS của WTO.

- Văn phòng SPS Việt Nam đã tổng hợp hơn 5.000 thông báo SPS của các nước thành viên WTO và chuyển cho các cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Chỉ tính riêng trong năm 2019, các nước thành viên WTO đã ban hành 1156 Thông báo SPS về các thay đổi chính sách liên quan đến các quy định kiểm dịch động thực vật, trong đó có ít nhất 17 Thông báo có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam đi kèm với các văn bản quy định chi tiết về các quy định này.

- Hệ thống cảnh báo nhanh của Liên minh Châu Âu cũng gửi liên tục các cảnh báo về các lô hàng xuất khẩu chưa đáp ứng được yêu cầu của nước nhập khẩu mỗi năm. Văn phòng SPS Việt Nam đã tiến hành gửi các thông báo nói trên cho các cơ quan có liên quan cùng phối hợp giải quyết. Tuy nhiên, các thông báo nói trên cũng như các cảnh báo chưa tiếp cận sâu rộng đến các đối tượng bị tác động như: các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng có liên quan.

Với chủ trương của Chính phủ là hội nhập kinh tế quốc tế, hướng tới hài hòa hóa các quy định luật pháp của Việt Nam với quốc tế, hiện nay hầu hết các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam trong lĩnh vực An toàn thực phẩm đã được thực hiện hài hòa với tiêu chuẩn Codex và ASEAN. Việt Nam đã tích cực tham gia góp ý cho các dự thảo tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm

của Việt Nam như: Tiêu chuẩn Codex quốc tế về nước mắm; khuyến nghị về ghi nhãn thực phẩm và thành phần thực phẩm thu được bằng kỹ thuật biến đổi gen/kỹ thuật gen; hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm để kiểm soát vi-rút trong thực phẩm; kiểm soát và xem xét hướng dẫn thiết lập các tiêu chí vi sinh vật trong thực phẩm; giới hạn tối đa Melamine trong sữa lỏng cho trẻ em... Đồng thời, Ủy ban Codex Việt Nam tham gia vào một số Ban kỹ thuật như: Vệ sinh thực phẩm (CCFH); Phụ gia thực phẩm (CCFA); Cá và Thủy sản (CCFFP); Dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm (CCRR)...



(Ảnh: nguồn internet)

Bên cạnh việc xây dựng báo cáo, Việt Nam đã nhận được gần 900 câu hỏi và bình luận từ các thành viên WTO, bao gồm các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Vương quốc Anh... Trong đó, riêng các nội dung liên quan đến SPS, các quốc gia thành viên đã gửi khoảng 40 câu hỏi dựa trên các nội dung của Báo cáo Ban thư ký WTO xây dựng. Theo Ban Thư ký WTO, Việt Nam là một trong năm thành viên WTO nhận được nhiều câu hỏi nhất cho một Phiên TPR tính cho đến thời điểm này. Với khối lượng câu hỏi đồ sộ và gần gấp đôi số câu hỏi nhận được tại Phiên TPR lần đầu tiên, Văn phòng SPS Việt Nam đã trả lời toàn bộ các câu hỏi được đưa ra, đồng thời thể hiện mong muốn tiếp tục tăng cường cơ chế trao đổi thông tin, kêu gọi các hỗ trợ kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm từ các quốc gia trên thế giới, đặc biệt trong bối cảnh covid-19 khiến tình hình xuất nhập khẩu nông sản gặp nhiều trở ngại. Nỗ lực này đã được Ban Thư ký WTO và các Thành viên WTO đánh giá rất cao.

Với việc nằm trong danh sách 20 quốc gia thành viên có khối lượng trao đổi thương mại lớn nhất của WTO, Việt Nam sẽ tiến hành rà soát chính sách thương mại 5 năm/lần thay vì 7 năm/lần như hiện nay. Như vậy, Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ 3 của Việt Nam dự kiến được tổ chức vào năm 2026.

PHIÊN HỌP THƯỜNG KỲ LẦN THỨ 79 ỦY BAN SPS/WTO



(Ảnh: nguồn internet)



MC12
GENEVA
2021

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Trong năm 2021, do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Đoàn Việt Nam, với đại diện là Văn phòng SPS Việt Nam và Phái đoàn Việt Nam tại Geneva đã tham dự theo hình thức trực tuyến tại Phiên họp thường kỳ lần thứ 79 Ủy ban SPS, diễn ra trong các ngày 25- 26/3/2021 với các nội dung chính cụ thể như sau:

1. Quan ngại của các nước thành viên WTO

Nhật Bản tiếp tục cập nhật các vấn đề liên quan đến thực phẩm sau sự cố nhà máy điện hạt nhân Tokyo Electric Power Co. Fukushima Daiichi Nuclear Power Station vào năm 2011. Theo đó, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định cho phép xả nước thải có chứa phóng xạ đã qua xử lý bằng công nghệ tiên tiến từ Nhà máy Điện hạt nhân Fukushima số 1 ra biển. Nhật Bản cũng đồng thời cam kết đảm bảo nước thải này luôn ở mức an toàn, hiện nay mức độ ô nhiễm rất thấp và thực phẩm có nguồn gốc Nhật Bản an toàn đối với người tiêu dùng. Nhật Bản cảm ơn nhiều quốc gia đã hủy bỏ các biện pháp cấm nhập khẩu thực phẩm Nhật Bản. Sau khi Nhật Bản phát biểu, đại biểu Hàn Quốc đã phản đối kế hoạch của Nhật Bản thải ra biển nước bị ô nhiễm từ nhà máy này. So với phiên họp trước của Ủy ban SPS, các quốc gia láng giềng có đánh giá tình hình không có tiến bộ xung quanh khu vực nhà máy. Mức độ ô nhiễm tại đây vẫn cao hơn nhiều lần mức tiêu chuẩn thông thường của Nhật Bản. Hàn Quốc đề nghị Nhật Bản tiếp tục cung cấp thông tin minh bạch cho Hàn Quốc và Trung Quốc.

Một số Thành viên xuất khẩu nông sản quan ngại về các yêu cầu mới đối với sản phẩm nhập khẩu và cho rằng các biện pháp đó khắt khe hơn mức cần

thiết. Đại dịch Covid-19 là thách thức toàn cầu lớn nhất trong lịch sử gần đây, khiến các Thành viên WTO phải tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ cuộc sống của người dân, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và đảm bảo an ninh lương thực cho người dân của họ. Thách thức này lớn hơn đối với các nước đang phát triển, những nước thường thiếu các nguồn lực tài chính và y tế cần thiết để giải quyết nó một cách thỏa đáng. Do đó, hợp tác quốc tế trong tất cả các lĩnh vực là rất quan trọng để giải quyết khủng hoảng và tạo cơ sở cho sự phục hồi kinh tế nhanh chóng trong thời kỳ hậu đại dịch. Trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra, Cô-lôm-bi-a thay mặt 40 Thành viên (chủ yếu Nam Mỹ và châu Phi) đề nghị EU và các Thành viên liên quan trong vòng 12 tháng tới không áp dụng các biện pháp mới có tính chất hạn chế thương mại như quy định về Mức dư lượng chất tồn dư tối đa (MRL) đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật.

Ấn Độ quan ngại về yêu cầu mẫu chứng nhận sức khỏe mới của Trung Quốc đối với nhập khẩu tôm từ Ấn Độ. Ấn Độ đề nghị Trung Quốc chia sẻ thông tin về kết quả đánh giá rủi ro và các biện pháp với tính chất ít hạn chế thương mại hơn mà Trung Quốc đã xem xét trước khi đề xuất mẫu chứng nhận mới này.

Trung Quốc đề nghị Mê-hi-cô nối lại việc nhập khẩu tôm từ nước này dựa trên các nguyên tắc khoa học và khách quan (Mê-hi-cô đã ngừng nhập tôm Trung Quốc từ năm 2013 do lo ngại lây nhiễm bệnh Acute Hepatopancreas Necrosis).

Ấn Độ hết sức quan ngại về các biện pháp hạn chế thương mại Liên bang Nga áp dụng đối với việc xuất khẩu thủy sản sang Liên minh Hải quan Á Âu (CU). Ấn Độ đề nghị cơ quan thẩm quyền LB Nga chia

sẽ đánh giá rủi ro là cơ sở để LB Nga yêu cầu kiểm tra.

Úc quan ngại về sự chậm trễ trong thủ tục phê duyệt của Trung Quốc đối với nhiều loại sản phẩm và cơ sở xuất khẩu và về sự thiếu minh bạch trong các thủ tục phê duyệt. Trong thời gian dài Úc đã đề nghị Chính phủ Trung Quốc phê duyệt các cơ sở xuất khẩu thực phẩm và sản phẩm song sự việc không tiến triển. Chính vì vậy hàng hóa của Úc không được đối xử thuận lợi như hàng hóa Trung Quốc cũng như hàng hóa của các bạn hàng thương mại khác. Phía Úc đề nghị Trung Quốc tuân thủ nghĩa vụ theo Hiệp định, đảm bảo để các biện pháp SPS dựa trên cơ sở khoa học và đánh giá rủi ro, cũng như không mang tính hạn chế thương mại và phải minh bạch.

2. Về các nội dung liên quan khác

- Phiên họp đã nghe Chủ tịch Ủy ban SPS báo cáo kết quả thảo luận tại phiên họp không chính thức Ủy ban ngày 24/3/2021 về dự thảo Tuyên bố SPS trình Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 12 (MC12) (Dự thảo do Bra-xin, Ca-na-đa và Hoa Kỳ đưa ra đầu năm 2020. Việt Nam là một bên đồng bảo trợ. Dự thảo đã được thảo luận tại Phiên họp Ủy ban SPS trong tháng 11/2020 cũng như là chủ đề chính của cuộc tham vấn không chính thức Ủy ban do Chủ tịch Ủy ban chủ trì được tổ chức vào giữa tháng 11/2020).

Nhìn chung các Thành viên đánh giá cao đề xuất trong bối cảnh có nhiều thay đổi kể từ khi Hiệp định SPS được ký kết năm 1995. Tuy nhiên một số Thành viên đề nghị dự thảo cần nhấn mạnh các thách thức hiện nay và trong tương lai về môi trường, khí hậu và đạo đức trong thương mại lương thực thực phẩm như bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái của trái đất, việc chuyển đổi toàn cầu sang hệ thống lương thực bền vững, phúc lợi động vật và giới thiệu các kinh nghiệm tốt nhất trong quản lý rủi ro, tôn trọng kỳ vọng chính đáng của người tiêu dùng cũng như tránh các hình thức bảo hộ. Tuyên bố cũng cần tránh trùng lặp với báo cáo đánh giá lần thứ 5 việc thực hiện Hiệp định SPS. Cũng có ý kiến đề xuất xem xét hình thức văn bản tuyên bố tại Hội nghị Bộ trưởng và khả năng lồng ghép Tuyên bố về SPS với các Tuyên bố khác tại Hội nghị. Ghi nhận các ý kiến đóng góp của các Thành viên, Hoa Kỳ và một số Thành viên đồng bảo trợ đề xuất cho biết sẵn sàng tiếp tục thảo luận cũng như đề nghị các Thành viên gửi các ý kiến đóng góp bằng văn bản để tổng hợp.

- Ngày 19/3/2021 Ủy ban SPS đã ban hành văn bản G/SPS/GEN/204/Rev.21 đánh giá hàng năm việc thực hiện các quy định về minh bạch hóa và các quan ngại thương mại cụ thể về SPS. Nhìn chung các Thành viên WTO tuân thủ khá tốt trách nhiệm minh

bạch hóa Hiệp định SPS. Theo khu vực, tính từ năm 1995, số lượng thông báo châu Á gửi nhiều nhất (chiếm 28%), sau đó đến Bắc Mỹ (27%) và Nam Mỹ/Trung Mỹ/Ca-ri-bê (24%). Tính từ năm 1995 đã có 505 quan ngại thương mại cụ thể (STC) được nêu. Trong năm 2020 các Thành viên đã thảo luận 53 STC trong đó có 36 quan ngại mới. Số lượng STC các Thành viên nêu trong năm 2020 là cao nhất tính từ năm 2003 và là năm có số lượng STC được nêu lớn thứ hai tính từ năm 1995 mặc dù trong năm 2020 chỉ có 2 phiên họp được tổ chức.

3. Đánh giá

Phiên họp lần thứ 79 diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 càng ngày càng căng thẳng và chưa có dấu hiệu dừng lại, khi hàng triệu người trên thế giới đang phải chịu những tác động không hề nhỏ khi sinh kế phụ thuộc trực tiếp vào các hoạt động trao đổi thương mại quốc tế, các biện pháp tạo thuận lợi cho thương mại sẽ có tác động đáng kể trong cuộc chiến chống lại đại dịch và hậu quả của nó. Các biện pháp như vậy cũng sẽ giúp đảm bảo dòng chảy của lương thực và các sản phẩm nông nghiệp khác, bảo vệ an ninh lương thực của những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất và cung cấp khả năng dự đoán cho các nhà xuất nhập khẩu, do đó đảm bảo rằng các chuỗi sản xuất tiếp tục hoạt động bền vững và ngăn ngừa mất việc làm và gián đoạn cung cấp.

Các đại biểu tham dự phiên họp đều đồng tình và thống nhất trong hoàn cảnh hiện nay, việc thực hiện một số biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật tạo thêm những hạn chế hoặc gánh nặng đối với thương mại quốc tế động vật, thực vật hoặc sản phẩm thực vật tạo thành một thách thức cản trở nỗ lực phục hồi nền kinh tế trên toàn thế giới, đặc biệt ở những quốc gia đang phát triển. Các nhà sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các nhà sản xuất nhỏ và vừa (MSMEs) sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi các biện pháp mới và các yêu cầu hạn chế hơn đối với xuất khẩu, chẳng hạn như giảm Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật. Đại biểu tham dự cũng công nhận rằng các Quốc gia thành viên có quyền xác định mức độ bảo vệ về an toàn thực phẩm, vệ sinh hoặc kiểm dịch động thực vật thích hợp ở mức độ cần thiết để bảo vệ đời sống và sức khỏe con người, động vật và thực vật, đồng thời thiết lập các biện pháp phù hợp để đạt được mục đích đó. Tuy nhiên, các biện pháp đó phải dựa trên cơ sở khoa học và không được tạo ra các rào cản không cần thiết đối với thương mại.

HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN CAM KẾT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI VÀ CẬP NHẬT YÊU CẦU VỀ SPS TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM

ThS. Đinh Đức Hiệp
Văn phòng SPS Việt Nam



(TS. Lê Thanh Hòa - Giám đốc văn phòng SPS Việt Nam phát biểu khai mạc hội nghị (Ảnh: Đinh Đức Hiệp))



(Các đại biểu dự hội nghị - Ảnh: Đinh Đức Hiệp)

Ngày 9/4/2021, Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái tổ chức hội nghị Phổ biến cam kết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới và cập nhật yêu cầu về SPS tại một số thị trường trọng điểm.

Tham dự có các đại biểu từ Sở Công Thương, Ban, Ngành về Trồng trọt – Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Doanh nghiệp và HTX của tỉnh Yên Bái và khu vực Tây Bắc.

Hội nghị nhằm cung cấp thông tin kịp thời tới các cơ quan quản lý và doanh nghiệp khu vực Tây Bắc về những điểm mới liên quan đến các quy định về SPS trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng các yêu cầu kỹ thuật từ một số thị trường xuất khẩu trong bối cảnh hiện nay. Nội dung Hội nghị bao gồm các chuyên đề: Đánh giá về hoạt động chế biến, sản xuất, xuất khẩu nông sản tỉnh Yên Bái; An toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do; Các quy định về xuất khẩu nông sản tại thị trường Trung Quốc; Ứng dụng Công nghệ xử lý, bảo quản quả vải xuất khẩu; các đại biểu thảo luận.

Vùng Tây Bắc được hiểu theo nghĩa tương đối, gồm sáu tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai và Yên Bái. Địa hình hiểm trở, đất đai màu mỡ, khí hậu cực đoan thuộc tiểu vùng cận ôn đới, với nền nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch lớn là những yếu tố hình thành nên các loại cây, con đặc sản và một nền nông nghiệp đa dạng và phong phú. Chính điều này đã làm nên tên tuổi các loại đặc sản, như: Gạo Sóng Cù (Điện Biên), chè san tuyết Suối Giàng, quế Văn Yên (Yên Bái), chè Tà Xùa, bò sữa Mộc Châu, xoài Yên Châu (Sơn La), cá nước lạnh Sa Pa, ớt Mường Khương (Lào Cai), cam Cao Phong (Hòa Bình)...

Tại hội nghị, các đại biểu đã đánh giá rất cao các chuyên đề của các diễn giả và thảo luận về các giải pháp thực tiễn nhằm thực thi hiệu quả vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động, thực vật trong thương mại nông sản ở các thị trường quốc tế. Thông qua đó, giúp cơ quan quản lý nhà nước xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất để nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực của vùng, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và an toàn cho sức khỏe con người và động, thực vật trên địa bàn tỉnh và khu vực miền núi phía bắc.

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MỨC GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI: AZOXYSTROBIN, BIXAFEN, CYFLUFENAMID, PYRIFLUQUINAZON VÀ PYRIPROXYFEN

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Nhật Bản ra thông báo số G/SPS/N/JPN/784/Add.1, G/SPS/N/JPN/785/Add.1, G/SPS/N/JPN/786/Add.1, G/SPS/N/JPN/787/Add.1 và G/SPS/N/JPN/788/Add.1, ngày 07/4/2021 về đề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với các chất tương ứng lần lượt là Azoxystrobin (Bảng 1), Bixafen (Bảng 2), Cyflufenamid (Bảng 3), Pyrifluquinazon (Bảng 4) và Pyriproxyfen (Bảng 5) đã được thông qua và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021, cụ thể như sau:

Bảng 1. Mức MRLs thay đổi đối với Azoxystrobin

Hàng hóa	MRL mới (phần triệu)	MRL cũ (phần triệu)
Lúa mạch	2	0.5
“Các loại ngũ cốc khác” dùng để chỉ tất cả các loại ngũ cốc, ngoại trừ gạo (gạo lứt), lúa mì, lúa mạch, lúa mạch đen, ngô và kiều mạch.	10	0.5
Khoai tây	7	1
Đường mía	0.05	Không thiết lập
Cải thảo	5	3
Hẹ	10	70
Nhót tây (Sơn trà Nhật Bản)	Không thiết lập	0.1
Quả đào	Không thiết lập	0.05
Dầu ngô (chỉ giới hạn ở dầu ngô ăn được đáp ứng Tiêu chuẩn Nông nghiệp Nhật Bản (JAS) về Chất béo và Dầu thực vật ăn được, và các loại dầu ăn khác đáp ứng các tiêu chuẩn tương đương hoặc nghiêm ngặt hơn JAS)	Không thiết lập	0.1
Dầu ngô	0.1	Không thiết lập

Bảng 2. Mức MRLs thay đổi đối với Bixafen

Hàng hóa	MRL mới (phần triệu)	MRL cũ (phần triệu)
Lúa mì	0.4	0.05
Lúa mạch đen	0.4	0.05
Ngũ cốc (ngô, bao gồm bắp rang và ngô ngọt)	0.4	
Kiều mạch	0.4	
“Các loại ngũ cốc khác” dùng để chỉ tất cả các loại ngũ cốc, ngoại trừ gạo (gạo lứt), lúa mì, lúa mạch, lúa mạch đen, ngô và kiều mạch.	3	0.5
Đậu nành, khô	0.04	
Củ cải đường	0.3	
Củ cải Nhật, phần củ	0.3	
Củ cải Nhật, phần lá	3	
Cải củ turnip, củ (bao gồm cải củ Thụy Điển)	0.3	
Cải ngựa	0.3	
Ngưu bàng	0.3	

Cây củ hạ	0.3	
Cà rốt	0.3	
Củ cải vàng	0.3	
Cải dầu	0.04	
Gia súc, bắp thịt	2	0.2
Lợn, bắp thịt	2	
Gia súc, mỡ	2	0.4
Lợn, mỡ	2	
Gia súc, gan	4	2
Lợn, gan	4	
Gia súc, thận	4	0.3
Lợn, thận	4	
Gia súc: nội tạng, đầu đuôi... có thể ăn được	4	
Lợn: nội tạng, đầu đuôi... có thể ăn được	4	
Sữa	0.2	0.04
Thịt gà, mỡ	0.05	0.02
Gia cầm khác, mỡ	0.05	0.02
Thịt gà, gan	0.05	0.02
Gia cầm khác, gan	0.05	0.02
Thịt gà, thận	0.05	0.02
Gia cầm khác, thận	0.05	0.02
Thịt gà: nội tạng, đầu đuôi... có thể ăn được	0.05	0.02
Gia cầm khác: nội tạng, đầu đuôi... có thể ăn được	0.05	0.02
Trứng gà	0.05	0.02
Trứng gia cầm khác	0.05	0.02

Bảng 3. Mức MRLs thay đổi đối với Cyflufenamid

Hàng hóa	MRL mới (phần triệu)	MRL cũ (phần triệu)
Dưa chuột (rau)	0.1	0.2
Dưa hấu	Không thiết lập	0.02
Dưa	Không thiết lập	0.02
"Các loại rau họ bầu bí khác" dùng để chỉ tất cả các loại rau họ bầu bí, ngoại trừ dưa chuột, bí đỏ, dưa muối phương Đông (rau), dưa hấu, các loại dưa và dưa makuwauri.	0.3	0.5
Táo	0.3	0.7
Đào	Không thiết lập	0.05
Mận Nhật Bản	0.2	0.3
Quả Anh đào	2	5
Quả hồng	0.3	0.5
Hoa bia	5	

Bảng 4. Mức MRLs thay đổi đối với Pyriproxyfen

Hàng hóa	MRL mới (phần triệu)	MRL cũ (phần triệu)
Ngũ cốc (ngô, bao gồm bắp rang và ngô ngọt)	0.05	0.2
"Các loại đậu, khô" bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu thận (đậu đỏ tây) đậu răng ngựa, và đậu trắng.	0.05	
Đậu Hà Lan	0.05	
Đậu tằm	0.05	

Khoai tây	0.05	0.2
Khoai lang	0.05	0.2
Khoai nửa	0.05	0.2
Cải thảo	0.7	1
Cải bắp	0.3	0.5
Bông cải trắng	0.1	
Bông cải xanh	1	2
Xà lách	7	10
Hành tây	0.05	0.2
Măng tây	0.2	0.5
Ớt anh đào (tiêu ngọt)	0.7	1
Cà tím	0.2	0.3
Dưa chuột	0.1	0.2
Bí ngô	0.05	0.2
Dưa hấu	0.05	0.2
Dưa vàng	0.05	0.2
Đậu bắp	0.2	0.5
Đậu Hà Lan	0.3	0.5
Đậu thận (đậu đỏ tây)	0.3	0.5
Lê Nhật Bản	0.7	1
Lê	0.7	1
Đào	Không thiết lập	0.2
Quả mơ	3	5
Dâu tây	1	2
Dương đào (kiwi)	0.1	0.2

Lưu ý:
Hàng hóa mà MRL mới hạ xuống so với trước đây thì sẽ có hiệu lực vào ngày 3 tháng 2 năm 2022.
Hàng hóa mà MRL mới tăng lên so với trước đây thì đã có hiệu lực vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.

Bảng 5. Mức MRLs thay đổi đối với Pyriproxyfen

Hàng hóa	MRL mới (phần triệu)	MRL cũ (phần triệu)
Hành tây	0.2	0.15
Rau mùi tây Mitsuba	20	
Cà tím	0.7	1
Dưa hấu	Không thiết lập	0.1
Dưa	Không thiết lập	0.1
Dưa Makuwauri	Không thiết lập	0.1
Cải lai Nhật Bản natsudaaidai	2	0.5
Chanh	2	0.5
Cam	2	0.5
Bưởi	2	0.5
Chanh vàng	2	0.5
Sơn trà Nhật Bản (nhót tây)	Không thiết lập	0.2
Đào	Không thiết lập	0.1
Đu đủ	0.3	1.0
Dứa	0.01	
Hạt cà phê	0.05	
“Gia vị khác” dùng để chỉ tất cả các loại gia vị, ngoại trừ thân rễ, củ cải ngựa, wasabi (cải ngựa Nhật Bản), tỏi, ớt, ớt bột, gừng, vỏ chanh, vỏ cam và hạt vừng .	8	1.0
Nước khoáng	Thấp hơn 0.3	0.3

BỘ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÀ TỔNG CỤC HẢI QUAN TRUNG QUỐC BAN HÀNH LIÊN THÔNG TƯ BỔ SUNG 05 LOÀI DỊCH HẠI KIỂM DỊCH THỰC VẬT

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2021, Thông tư liên bộ số 413 của Bộ Nông nghiệp Nông thôn và Tổng cục Hải quan ban hành thêm 5 loài sinh vật gây hại bổ sung vào "Danh mục các loài dịch hại kiểm dịch khi nhập cảnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", làm tăng tổng số loài dịch hại kiểm dịch thực vật trong danh mục khi nhập cảnh của nước này lên tổng số 446 mục.



(Ảnh: nguồn internet)

1. Sơ lược về 5 loài gây hại được bổ sung mới

TT	Tên khoa học	Tên tiếng trung
1	<i>Tomato brown rugose fruit virus, ToBRFV</i>	番茄褐色皱果病毒
2	<i>Maize dwarf mosaic virus, MDMV</i>	玉米矮花叶病毒
3	<i>Candidatus liberibacter solanacearum liefting et al</i>	马铃薯斑纹片病菌
4	<i>Otalatactea</i> (Muller)	乳状耳形螺
5	<i>Euglandina rosea</i> (Ferussac)	玫瑰蜗牛

1.1. Virus gây bệnh đốm nâu cà chua

Lây lan và tác hại:

Virus khảm đốm nâu cà chua (*Tomato brown rugose fruit virus, ToBRFV*) là một chủng mới của chi virus khảm thuốc lá, gây hại chủ yếu cho cà chua, ớt và các cây họ *Solanaceae* khác.

Virus có thể lây lan cơ học cũng như qua ong vò vẽ, chim và trái cây bị bệnh. Loại virus này lần đầu tiên được phát hiện trên cà chua vào năm 2014. Tổ chức Bảo vệ thực vật châu Âu (EPPO) đã đưa ra cảnh báo sớm đối với ToBRFV.

Đặc điểm và triệu chứng:

Hiện nay hầu hết các loại cà chua đang bán trên thị trường đều dễ bị nhiễm virus ToBRFV này. ToBRFV sinh tồn lâu và dễ lây nhiễm, có thể tồn tại rất lâu và lây nhiễm trong môi trường nước, trên bề mặt vật thể không có nguồn gốc thực vật. Việc xác định nhiễm virus chủ yếu phụ thuộc vào các triệu chứng khảm trên lá non và chồi ngọn của cà chua; trên quả sẽ xuất hiện các đốm và mảng màu vàng, hoặc hiện tượng dị dạng của quả và lá; trong trường hợp nặng quả sẽ chuyển màu nâu, thân hoặc lá đài xuất hiện các vết hoại tử.



Trạng thái bị bệnh cà chua

(Ảnh: nguồn internet)

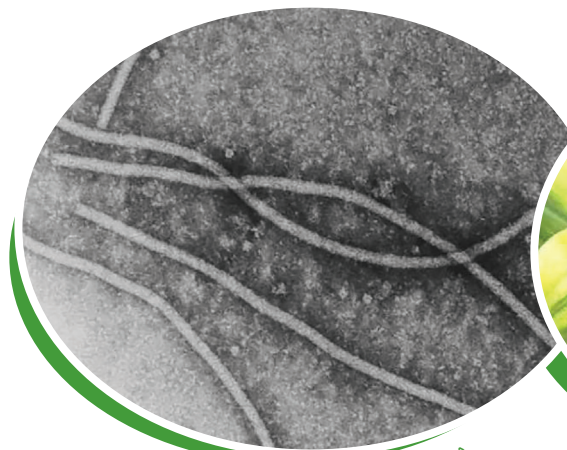
1.2 Virus khảm lùn ngô:

Lây lan và tác hại:

Virus khảm lùn ngô (*Maize dwarf mosaic virus*, MDMV) thuộc một loại virus Y ở khoai tây. Virus chủ yếu cư trú trên các vật chủ như *brome* và *hellebore*, và là nguồn lây nhiễm ban đầu quan trọng của bệnh. Sau khi hạt độc nảy mầm, cũng có thể trở thành trung tâm phát bệnh. Sự lây truyền của virus chủ yếu phụ thuộc vào sự lây lan của rệp. MDMV thường xuất hiện ở các vùng trồng ngô và cao lương.

Đặc điểm và triệu chứng:

Quan sát dưới kính hiển vi điện tử cho thấy, virus vẫn có khả năng lây nhiễm sau khi được bảo quản trong tủ lạnh nhiệt độ cực thấp trong 5 năm. Ngô và cao lương khi bị nhiễm MDMV có các triệu chứng tương tự như cây bị bệnh tàn lụi, lùn, không có bắp, đôi khi chết sớm. Lá khảm thường xuất hiện ở phần gốc của lá, tim vẫn còn trong bẹ nhưng chưa bung ra. Các dải và chấm nối với nhau tạo thành các sọc hoặc đường có màu lục kéo dài dọc theo gân lá. Sau khi nhiễm bệnh, các lá mới mọc trở nên úa và vàng.



Virus khảm lùn ngô

(Ảnh: nguồn internet)

1.3 Bệnh sọc vằn khoai tây

Lây lan và tác hại:

Bệnh sọc vằn khoai tây là một loại bệnh nghiêm trọng do vi khuẩn mới (*Candidatus liberibacter solanacearum* *liefting* et al) xâm nhập vào các cây họ *Solanaceae* và *Umbelliferae*. Nó được phát hiện lần đầu tiên trên cà chua và ớt bị bệnh vào năm 2009. Được biết, vi khuẩn gây bệnh này có thể lây lan qua một khoảng cách xa thông qua giống như củ, hạt, v.v., hoặc các thể từ rầy truyền bệnh, dẫn đến suy giảm chất lượng cây trồng, giảm năng suất đáng kể, thậm chí không cho thu hoạch.

Đặc điểm và triệu chứng:

Ký chủ bị nhiễm loại này có thể phát bệnh trên toàn cây, trên cây khoai tây, biểu hiện chính là lá nhỏ dần và teo quăn lại, úa dần và có màu tím. Mặt cắt của củ có những đường hoại tử màu nâu xuyên tâm, tương tự như sọc vằn. Trường hợp nghiêm trọng, có thể khiến cả cây bị chết.



Rầy khoai tây



(Ảnh: nguồn internet)

1.4 Ốc sên đất - *Otalatactea* (Muller)

Lây lan và tác hại:

Ốc sên đất sữa là một trong những loài gây hại nghiêm trọng đối với rau, quả và hoa, chúng được nhiều quốc gia và các tổ chức bảo vệ thực vật liên quan liệt vào danh sách các loài gây hại kiểm dịch. Ốc này được lây truyền theo các kênh thương mại hàng hóa như con giống, container, v.v...

Đặc điểm và ảnh hưởng:

Ốc sên đất là một loài ốc sên thể lớn, một loài nhuyễn thể, chân bụng sống trên cạn, loài ốc điển hình thuộc loài ăn cỏ, có khả năng chịu được điều kiện khắc nghiệt và có thể thích nghi với điều kiện khô hạn. Không những là dịch hại nông nghiệp gây hại nghiêm trọng cho rau, quả, hoa và các loại cây trồng làm vườn khác, ốc sên đất sữa còn là vật truyền nhiễm trung gian mang 4 loài ký sinh từ động vật sang người và gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người và động vật. Ốc không nhạy cảm với các loại thuốc diệt ốc phổ rộng tốt nhất hiện nay trên thị trường.

1.5 Ốc sên sói hoa hồng - *Euglandina rosea*

(Ferussac)

Lây lan và tác hại:

Ốc hoa hồng hay còn gọi là ốc sên sói hoa hồng là một loại ốc có kích thước trung bình. Giống như các loại ốc trên cạn khác, nó có thể lây lan qua các kênh thương mại từ các container hàng hóa xuất nhập khẩu.



(Ảnh: nguồn internet)

Đặc điểm sinh học và ảnh hưởng:

Ốc sên sói hoa hồng là một loài ốc ăn thịt kích thước trung bình đến lớn, sẽ săn mồi trên các loài ốc sên khác. Ốc sên sói hoa hồng là vật chủ trung gian của nhiều loại ký sinh trùng và mầm bệnh ở người và động vật, gây hại rất nhiều cho sức khỏe con người và động vật. Ốc sên sói hoa hồng rất hung dữ và ăn các loài ốc sên và động vật thân mềm khác.



(Ảnh: nguồn internet)

Việc hoàn thiện "Danh mục các loài động vật kiểm dịch thực vật nhập cảnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" xuất phát bởi yêu cầu sửa đổi của "Luật Kiểm dịch động, thực vật xuất nhập cảnh" sau khi "Luật An toàn Sinh học" chính thức có hiệu lực vào ngày 15 tháng 4 năm nay, thể hiện sự quyết liệt của Chính phủ Trung Quốc trong triển khai các vấn đề về an toàn sinh học, ngăn chặn sự xâm nhập của dịch hại để bảo vệ an toàn sản xuất nông nghiệp, an toàn sinh thái của nước này. Danh mục được ban hành là cơ sở để Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm dịch có tính mục tiêu hơn dựa trên đặc điểm nguy cơ khác nhau của các loài gây hại, từ đó kịp thời xây dựng các biện pháp quản lý rủi ro đối với toàn bộ quá trình nuôi trồng, chế biến, bảo quản, vận chuyển và xuất khẩu các sản phẩm nhập khẩu có liên quan tại các nước hoặc khu vực xuất khẩu phù hợp để ngăn chặn rủi ro từ nước ngoài.



(Ảnh: nguồn internet)

EU THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHO PHÉP L-LYSINE MONOHYDROCHLORIDE TINH KHIẾT VỀ MẶT KỸ THUẬT VÀ CƠ SỞ L-LYSINE LỎNG LÀM PHỤ GIA THỨC ĂN CHO TẤT CẢ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

Ngày 29/4/2021, EU đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/486 có nội dung liên quan đến việc cho phép L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật và L-lysine dạng lỏng được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật.

Thông báo này liên quan đến Hiệp ước về Hoạt động của Liên minh châu Âu và Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 9 năm 2003 về các chất phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật (1) và đặc biệt là Điều 9 (2) của quy định này.

Cụ thể, Quy định (EC) số 1831/2003 liên quan đến việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở và thủ tục để cấp phép. Theo Điều 7 (1) của Quy định (EC) số 1831/2003, các đơn đăng ký đã được đệ trình để cấp phép cho L-lysine ở dạng lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật làm phụ gia thức ăn dinh dưỡng để sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và trong nước uống cho tất cả các loài động vật. Các ứng dụng này kèm theo các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Các ứng dụng được phép của L-lysine ở dạng chất lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật được phân loại trong danh mục phụ gia "phụ gia dinh dưỡng", nhóm chức năng "axit amin, muối của chúng và các chất tương tự".

Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (sau đây gọi tắt là "Cơ quan") đã kết luận trong các ý kiến của mình vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 18 tháng 11 năm 2020 rằng: theo các điều kiện sử dụng được đề xuất L-lysine ở dạng chất lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe vật nuôi cũng như sức khỏe người tiêu dùng hoặc môi trường sống. Ngoài ra Cơ quan cũng đưa ra kết luận về sự an toàn cho người sử dụng L-lysine ở dạng chất lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 và *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP. Theo đó các chất này được coi là nguy hiểm khi hít phải và có thể gây ra kích ứng nhẹ đối với mắt. Do đó, các biện pháp bảo vệ thích hợp cần được thực hiện để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc

biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia này.

Cơ quan cũng đưa ra ý kiến rằng L-lysine ở dạng chất lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP, là nguồn hiệu quả của

axit amin thiết yếu L-lysine cho tất cả các loài động vật. Để L-lysine bổ sung có đầy đủ hiệu quả ở động vật nhai lại thì cần được bảo vệ nhằm tránh sự suy thoái trong dạ cỏ. Dựa theo ý kiến của mình, Cơ quan đã viện dẫn một tuyên bố trước đây liên quan đến sự mất cân bằng dinh dưỡng tiềm ẩn đối với các axit amin và các mối quan tâm về vệ sinh khi chúng được sử dụng qua nước để uống. Tuy nhiên, Cơ quan cũng không đưa đề xuất hàm lượng tối đa đối với việc bổ sung L-lysine. Do đó, việc ghi rõ thông tin trên nhãn của chất phụ gia và các hỗn hợp có chứa chất phụ gia là phù hợp để lưu ý đến việc cung cấp chế độ ăn uống với tất cả các axit amin thiết yếu có điều kiện và cần thiết, đặc biệt trong trường hợp bổ sung L-lysine dưới dạng axit amin qua nước để uống. Cùng với đó Cơ quan cũng không cho rằng cần có các yêu cầu cụ thể về giám sát sau thị trường. Nó cũng xác minh các báo cáo về phương pháp phân tích phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do Phòng thí nghiệm Tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003.

Việc đánh giá L-lysine ở dạng lỏng và L-lysine monohydrochloride, tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi *Corynebacterium casei* KCCM 80190 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80216 hoặc *Corynebacterium glutamicum* KCTC 12307BP cho thấy các điều kiện để được cấp phép như trong quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) No 1831/2003. Theo đó, việc sử dụng phụ gia này phải được cho phép như quy định trong Phụ lục của Quy chuẩn này.

Quy định mới này sẽ có hiệu lực đối với các chế phẩm dùng trong dinh dưỡng động vật (Mã HS: 2309) và được áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại của Liên minh châu Âu.

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh: nguồn internet)

NIU DI-LÂN: ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHẬP KHẨU: HẠT GIỐNG ĐỂ GIEO TRỒNG (155.02.05)

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/NZL/648, ngày 21/04/2021, Đề xuất sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo (155.02.05) bao gồm:

- Loại bỏ ELISA như một phương pháp thử nghiệm đối với vi rút hại quả cà chua nâu trên hạt *Capsicum* và *Solanum lycopersicum* để gieo từ tất cả các nước;

- Loại bỏ vi rút Hemp streak và vi rút *Hemp mosaic* khỏi danh sách dịch hại đối với Cần sa, và loại bỏ các biện pháp đối với các loài gây hại này trên hạt giống Cần sa để gieo từ tất cả các nước;

- Loại bỏ virus *Artichoke yellow ringspot* ra khỏi danh sách dịch hại đối với Đậu cô ve, đồng thời loại bỏ các biện pháp đối với loài gây hại này trên hạt giống Đậu cô ve để gieo từ tất cả các nước;

- Loại bỏ vi rút *Pea enation mosaic* khỏi danh sách dịch hại đối với Đậu Hà Lan và Đậu răng ngựa; loại bỏ các biện pháp đối với dịch hại này trên hạt giống Đậu Hà Lan và Đậu răng ngựa để gieo từ tất cả các nước;

- Loại bỏ vi rút *Peanut stunt* khỏi danh sách dịch hại cho Đậu cô ve và Đậu răng ngựa; loại bỏ các biện pháp đối với dịch hại này trên hạt giống Đậu cô ve và Đậu răng ngựa để gieo từ tất cả các nước.

NAM PHI THÔNG BÁO VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT MẪU MỚI ĐỂ TÁI XUẤT

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/ZAF/73 ngày 07/4/2021, Nam Phi đã thực hiện giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật định dạng mới để tái xuất kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2021.

Định dạng mới có các tính năng bảo mật sau:

1. Giấy chứng nhận có số sê-ri và số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Ở góc trên cùng bên phải có một mã vạch với số sê-ri;

2. Có mã vạch và mã QR thứ hai như một tính năng bảo mật bổ sung;

3. Số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất hiện giữa mã QR và mã vạch. Đây là con số được sử dụng trong bất kỳ cuộc trao đổi nào liên quan đến giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được cấp;

4. Số kiểm dịch thực vật mới bắt đầu bằng NPPO-ZA/yyyy/mm/number;

5. Chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử sẽ chỉ chứa số giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mới.



(Ảnh: nguồn internet)

6. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được in trên khổ giấy A4 thông thường. Các đối tác thương mại cần lưu ý rằng Nam Phi sẽ phải ngừng sử dụng giấy gốc có các tính năng bảo mật trong thương mại quốc tế.

TỔNG CỤC HẢI QUAN TRUNG QUỐC BAN HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM XUẤT, NHẬP KHẨU, THAY THẾ MỘT LOẠT CÁC QUY ĐỊNH TRƯỚC ĐÓ

ThS. Vũ Thị Hải Yến
Văn phòng SPS Việt Nam

1.1 Lệnh số 249 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, quy định này được xem xét và phê duyệt thông qua tại hội nghị hành chính của Tổng cục Hải quan vào ngày 12/3/2021, được ban hành vào ngày 12/4/2021 và sẽ có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2022. Các quy định được ban hành bởi các văn bản sau sẽ cùng lúc bị bãi bỏ bao gồm:

- Lệnh số 144 ngày 13/9/2011; số 184 ngày 18/10/2016 của Tổng cục Giám sát, kiểm nghiệm chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây; và Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan sửa đổi về “Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu”;

- Lệnh số 20 ngày 22/02/2000 của Tổng cục Giám sát, Kiểm nghiệm Chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây và được sửa đổi bổ sung theo lệnh số 238 ngày 28/04/2018 của Tổng cục Hải quan về “Biện pháp quản lý Kiểm tra và kiểm dịch mật ong xuất khẩu”;

- Lệnh số 135 ngày 04/01/2011 của Tổng cục Giám sát, kiểm nghiệm chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây và được sửa đổi bổ sung theo Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan về “Các biện pháp quản lý và giám sát, giám sát, kiểm dịch thủy sản xuất, nhập khẩu”;

- Lệnh số 136 ngày 04/01/2011 Tổng cục Giám sát, kiểm nghiệm chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây và được sửa đổi bổ sung theo Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan về “Biện

pháp quản lý, giám sát kiểm tra, kiểm dịch đối với thịt xuất, nhập khẩu”;

- Lệnh số 152 ngày 24/01/2013 của Tổng cục Giám sát, kiểm nghiệm chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây và được sửa đổi theo Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan về “Biện pháp quản lý và giám sát, giám sát và kiểm dịch sửa xuất, nhập khẩu”;

- Lệnh số 192 ngày 14/11/2017 Tổng cục Giám sát, Kiểm nghiệm Chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia trước đây và được sửa đổi theo lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan, “Quy định về quản lý hồ sơ đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu”.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

1.2 Lệnh số 248 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành “Quy định về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Trung Quốc”, quy định này được xem xét và phê duyệt thông qua tại hội nghị hành chính của Tổng cục Hải quan vào ngày 12/3/2021, ban hành ngày 12/4/2021 và sẽ có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2022. Các quy định được ban hành bởi các văn bản sau sẽ cùng lúc bị bãi bỏ bao gồm:

- Lệnh số 145 ngày 22/3/2012 của Tổng cục Giám sát, Kiểm nghiệm Chất lượng và Kiểm dịch Quốc gia và được sửa đổi bổ sung tại Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 của Tổng cục Hải quan về “Quy định về đăng ký và quản lý doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài”.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021



(Ảnh: nguồn internet)

ÚC ĐƯA RA THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG SỬ ĐỔI PHỤ LỤC 20 CỦA BỘ LUẬT TIÊU CHUẨN THỰC PHẨM ÚC - NIU DI-LÂN SỬ ĐỔI

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 15/04/2021, Úc thông báo số G/SPS/N/AUS/518 về việc đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - Niu Di - Lân sửa đổi (Số 3, ngày 23 tháng 3 năm 2021).

Thông báo có nội dung về việc hiện đang có đề xuất sửa đổi Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di-Lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y, cụ thể các chất đó bao gồm: *Chlorantraniliprole, Cypermethrin, Dimethoate, Fluopyram, Metalaxyl, Metrafenone, Omethoate, Propiconazole, Sulfoxaflor* trong các loại thực vật cụ thể.

Trong thông báo trước đó tại trang 19 của APVMA Gazette số 4, APVMA đã công bố các sửa đổi mà họ đã phê duyệt để thay đổi MRL đối với các chất có trong các sản phẩm hóa chất nông nghiệp và thú y như được nêu trong Tiêu chuẩn APVMA về MRL.

Theo mục 82 của Đạo luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu Di-Lân năm 1991, APVMA đang đề xuất kết hợp các biến thể đó (Công cụ sửa đổi Bộ luật hoá chất nông nghiệp và thú y (Tiêu chuẩn MRL) số 2 năm 2021) đối với MRLs vào Phụ lục 20 - Giới hạn dư lượng tối đa trong Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc. MRLs trong Phụ lục 20 đưa ra các giới hạn về dư lượng hóa chất nông nghiệp và thú y có thể được cho là hợp

pháp trong thực phẩm. Bằng cách này, Phụ lục 20 cho phép bán thực phẩm đã qua xử lý và bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng bằng cách giảm thiểu dư lượng trong thực phẩm ở mức phù hợp với việc kiểm soát sâu bệnh hiệu quả.

APVMA và tiêu chuẩn thực phẩm Úc - Niu (FSANZ) đồng thuận dựa trên đánh giá mức độ phơi nhiễm trong chế độ ăn uống và các tiêu chuẩn sức khỏe hiện hành và cho rằng các giới hạn đề xuất không gây hại cho sức khỏe cộng đồng. Theo đó đã có các thỏa thuận giữa Chính phủ Úc và Chính phủ Niu Di-Lân liên quan đến Hệ thống Tiêu chuẩn Thực phẩm Chung về việc loại trừ MRL đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm khỏi hệ thống thiết lập các tiêu chuẩn thực phẩm chung này. Đồng thời Úc và Niu Di-Lân có thể phát triển độc lập và riêng biệt các MRLs cho các hóa chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm mà không phụ thuộc vào nhau.

Với lý do nêu trên APVMA đưa ra thông báo này nhằm kêu gọi ý kiến đóng góp từ các thành viên của WTO và sẽ xem xét bất kỳ ý kiến công chúng nào được đưa ra để phản hồi về những đề xuất này. Nếu APVMA quyết định tiếp tục thực hiện đề xuất thì sẽ có các thông báo bổ sung thêm phía sau về bất kỳ thay đổi nào đối với Phụ lục 20 trên APVMA Gazette. Các thay đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo tiếp theo đó.

TÌM HIỂU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THỦY SẢN

Nguyễn Tử Cương

Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững,
Hội nghề cá Việt Nam

Lời giới thiệu:

Để giúp các chuyên gia an toàn thực phẩm, đặc biệt là người tiêu dùng thủy sản có thêm kiến thức an toàn thực phẩm thủy sản đối với những trường hợp đặc biệt. Bản tin SPS mở chuyên mục **“Tìm hiểu về an toàn thực phẩm thủy sản”**

Chuyên mục này được đăng nhiều kỳ mỗi kỳ một bài và được ghi số thứ tự từ 1 đến hết.



Bản tin SPS trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

1. Vi khuẩn “Thường trú” và vi khuẩn “Vãng lai” trong nước

Trong quản lý an ninh và trật tự xã hội của ngành công an: Người nào có nơi ở, việc làm ổn định lâu dài ở một địa phương thì sẽ được cấp hộ khẩu “Thường trú” tại địa chỉ đó, những người từ địa phương khác đến thì được cấp giấy “Tạm trú” và gọi là khách “Vãng lai”.

Trong sinh học khái niệm: Vi khuẩn “Thường trú” và vi khuẩn “Vãng lai” cũng được sử dụng để phân biệt những loài có khả năng tồn tại lâu dài hoặc chỉ tồn tại trong thời gian ngắn ở môi trường nước hoặc môi trường không khí; theo đó:

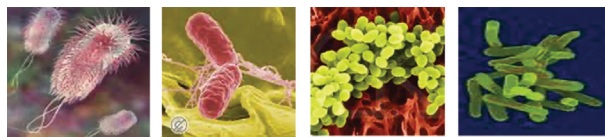
1.1. Các loài vi khuẩn gây bệnh cho người bao gồm: *Listeria monocytogenes*, *Clostridium botulinum*, *Clostridium perfringens*, *Vibrio cholera*, *Vibrio parahaemolyticus*... là những loài “Thường trú” trong nước và ngược lại chúng là vi khuẩn “Vãng lai” trong môi trường không khí.

1.2. Các loài vi khuẩn gây bệnh cho người như *Salmonella*, *Staphylococcus aureus*, *Escherichia coli*, *Shigella*... là những loài thường trú trong không khí, khi lây nhiễm xuống môi trường nước, chúng không phát triển được mà chỉ tồn tại trong thời gian ngắn và được gọi là vi khuẩn “Vãng lai” trong môi trường nước và ngược lại chúng là vi khuẩn “Thường trú” trong môi trường không khí.

Những loài “Thường trú” trong không khí có thể “Vãng lai” xuống nước thông qua một sự cố bất thường nào đó. Ví dụ: Dịch tả do *E.coli* (còn gọi là phẩy khuẩn tả-vì vi khuẩn này trông giống hình dấu phẩy) gây ra đối với động vật trên cạn, lây nhiễm xuống nước. Các loài thủy sản sống ở vùng bị nhiễm *E.coli* nếu đánh bắt làm thực phẩm sẽ có nguy cơ bị nhiễm *E.coli* cao; Khi sử dụng thực phẩm này, nếu áp dụng biện pháp tiêu diệt vi sinh vật (biện pháp thường được áp dụng trong chế biến thức ăn là gia nhiệt để đạt nhiệt độ tâm sản phẩm đạt 90°C trở lên, trong thời gian 90 giây, hoặc gia nhiệt đạt nhiệt độ tâm sản phẩm đạt 72°C trở lên, trong thời gian 3 - 5 phút) thì người ăn sẽ an toàn cho sức khỏe về mối nguy *E.coli*.

Tuy nhiên, những loài vi khuẩn “Vãng lai” trong môi trường nước đa số là không thể phát triển, mà chúng chỉ có thể tồn tại trong nước một thời gian không dài. Ví dụ *Salmonella* theo đánh giá nguy cơ của Mỹ thì khi nhiễm xuống nước chúng không phát triển, mà chỉ tồn tại trong nước không quá 25 ngày.

1.3. Các chuyên gia quản lý an toàn thực phẩm và người tiêu dùng cần hiểu rõ vi khuẩn “Thường trú” hoặc “Vãng lai” trong môi trường nước, hay môi trường không khí để xác định chính xác mối nguy sinh học và mức độ gây hại cho sức khỏe người sử dụng, từ đó đưa ra giải pháp ngăn chặn thích hợp. Ví dụ: Khi phát hiện dịch tả do *Vibrio Cholerae* thì cần



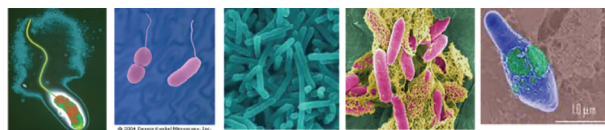
E. coli

Salmonella

S. aureus

Shigella

Hình ảnh vi khuẩn thường trú trong nước:



V. cholera

V. parahaemolyticus

L. monocytogenes

C. perfringens

C. botulinum

Hình ảnh vi khuẩn vãng lai trong nước

áp dụng biện pháp khoanh vùng, khử trùng tiêu độc ở nguồn nước (cống rãnh, đặc biệt là kênh mương) chung quanh khu vực xảy ra dịch, bởi *Vibrio Cholerae* là vi khuẩn thường trú trong nước.

(Còn nữa)

DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO - TRONG THÁNG 4/2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

Stt	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/NZL/646	Niu-Di-Lân	01/4/2021	Đề xuất mới về tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: Mẫu nghiên cứu (không bao gồm mẫu động vật và mẫu cơ thể người)
2	G/SPS/N/KOR/711	Hàn Quốc	01/4/2021	Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm.
3	G/SPS/N/KOR/710	Hàn Quốc	01/4/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về Kiểm soát An toàn Thực phẩm nhập khẩu"
4	G/SPS/N/JPN/841	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
5	G/SPS/N/JPN/840	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
6	G/SPS/N/JPN/839	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
7	G/SPS/N/JPN/838	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
8	G/SPS/N/JPN/837	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
9	G/SPS/N/JPN/836	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)

10	G/SPS/N/JPN/835	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
11	G/SPS/N/JPN/834	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)
12	G/SPS/N/RUS/220	Liên Bang Nga	06/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo về việc sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 Số 318
13	G/SPS/N/RUS/219	Liên Bang Nga	06/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo về việc sửa đổi Bảng 8 của Yêu cầu Kiểm dịch Thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).
14	G/SPS/N/KOR/713	Hàn Quốc	06/4/2021	Đề xuất sửa đổi đối với các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm
15	G/SPS/N/EU/478	Liên minh châu Âu	06/4/2021	Dự thảo bổ sung Quy định (EU) 2019/6 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng bằng cách thiết lập các tiêu chí để chỉ định các chất kháng khuẩn được dành riêng cho việc điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người.
16	G/SPS/N/EU/477	Liên minh châu Âu	06/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/485 ngày 22 tháng 3 năm 2021 liên quan đến việc cho phép sử dụng tinh dầu gừng từ Zingiber officinale Roscoe làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, nhựa dầu gừng từ Zingiber officinale Roscoe cho gà vỗ béo, gà đẻ, gà tây để vỗ béo, lợn con, lợn để vỗ béo, lợn nái, bò sữa, bê bê (thay thế sữa), gia súc để vỗ béo, cừu, dê, ngựa, thỏ, cá và vật nuôi và cồn gừng từ Zingiber officinale Roscoe cho ngựa và chó
17	G/SPS/N/EU/476	Liên minh châu Âu	06/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/506 liên quan đến việc cấp phép methanethiol làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật.
18	G/SPS/N/CHL/671	Chi Lê	06/4/2021	Yêu cầu đối với việc nhập khẩu collagen, gelatine, protein thủy phân và mỡ
19	G/SPS/N/AUS/502/Add.9	Úc	06/4/2021	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một sừng đốt: giai đoạn tiếp theo của các biện pháp khẩn cấp
20	G/SPS/N/ZAF/74	Nam Phi	07/4/2021	Sửa đổi Quy định kỹ thuật bắt buộc đối với tôm hùm đông lạnh và các chế phẩm từ tôm hùm đông lạnh - VC 8020.

21	G/SPS/N/ZAF/73	Nam Phi	07/4/2021	Thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (KDTV) mẫu mới cho việc tái xuất.
22	G/SPS/N/TPKM/567	Đài Loan	07/4/2021	Dự thảo các tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
23	G/SPS/N/GBR/7	Vương quốc Anh	07/4/2021	Quy định về Điều kiện kiểm dịch thực vật (sửa đổi) 2021.
24	G/SPS/N/AUS/436/Add.1	Úc	07/4/2021	Cập nhật khuyến cáo triển khai các điều kiện nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống rau apiaceous để gieo
25	G/SPS/N/TZA/108	Tanzania	08/4/2021	Đặc điểm kỹ thuật - Động vật thân mềm hai mảnh vỏ
26	G/SPS/N/HND/11/Add.2	Honduras	08/4/2021	Quy định về vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế
27	G/SPS/N/KGZ/23	Kyrgyzstan	09/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi quyết định của Ủy ban Liên minh hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010, số 318
28	G/SPS/N/KGZ/22	Kyrgyzstan	09/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi Bảng 8 của yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).
29	G/SPS/N/BRA/1930	Brasil	09/4/2021	Sắc lệnh số 61 ngày 29 tháng 3 năm 2021. Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với <i>Oryza sativa</i> (gạo) theo quốc gia nhập và xuất xứ của các quốc gia thành viên MERCOSUR, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 07/20.
30	G/SPS/N/BRA/1928	Brasil	09/4/2021	Sắc lệnh số 65 ngày 30 tháng 3 năm 2021. Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia các yêu cầu kiểm dịch thực vật hài hòa theo hạng mục rủi ro đối với các điều khoản được điều chỉnh, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 10/20.
31	G/SPS/N/EGY/121	Ai Cập	13/4/2021	Nghị định số 30/2021 của Bộ trưởng liên quan đến việc phát hiện ôi thiu trong thịt, gia cầm và cá và các sản phẩm của nó.
32	G/SPS/N/CHN/1217	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: Sử dụng tiêu chuẩn cho phụ gia thực phẩm.
33	G/SPS/N/CHN/1216	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: Phụ gia thực phẩm tinh bột natri octenyl succinate
34	G/SPS/N/CHN/1215	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm nisin.

35	G/SPS/N/CHN/1214	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm uguisukagura đỏ.
36	G/SPS/N/CHN/1213	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm natri methylate (natri methoxide).
37	G/SPS/N/CHN/1212	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm ϵ -polylysine hydrochloride
38	G/SPS/N/CHN/1211	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm beta-carotene
39	G/SPS/N/CHN/1210	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm L-methionylglycine-HCl
40	G/SPS/N/CHN/1209	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm 6-ethyloctanal.
41	G/SPS/N/CHN/1208	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm 5-methyl-2-furanmethanol.
42	G/SPS/N/CHN/1207	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm (2S,5R)-N-[4-(2-Amino-2-oxoethyl)phenyl]-5-methyl-2-(propan-2-yl) cyclohexanecarboxamide
43	G/SPS/N/USA/3238	Hoa Kỳ	14/4/2021	Quy tắc cuối cùng đối với dung sai thuốc trừ sâu pyriofenone
44	G/SPS/N/EU/479	Liên minh châu Âu	14/4/2021	Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của hạch nấm ergot và ancaloit ergot trong một số loại thực phẩm.
45	G/SPS/N/CAN/1383	Canada	14/4/2021	Đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc bổ sung mức tối đa cho arsenic vô cơ trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - Số tham chiếu: NOP/ ADP C-2021-1.
46	G/SPS/N/CAN/1382	Canada	14/4/2021	Đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc cập nhật mức tối đa cho tổng arsenic trong nước trái cây và mật hoa quả - Số tham chiếu: NOP / ADP C-2021-2.
47	G/SPS/N/AUS/517	Úc	14/4/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân sửa đổi (Số 2).
48	G/SPS/N/TZA/112	Tanzania	15/4/2021	AFDC 26 (557) DTZS Quy tắc thực hành vệ sinh đối với dưa
49	G/SPS/N/NZL/647	Niu-Di-Lân	15/4/2021	Đề xuất Sửa đổi mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp.
50	G/SPS/N/IDN/141	Indonesia	15/4/2021	Quy định số 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về hồ sơ kiểm dịch động thực vật.

51	G/SPS/N/IDN/140	Indonesia	15/4/2021	Quy định của FDA Indonesia số 28 năm 2019 về hỗ trợ chế biến trong chế biến thực phẩm.
52	G/SPS/N/CHN/1212/Add.1	Trung Quốc	15/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm ϵ -Polylysine hydrochloride
53	G/SPS/N/AUS/518	Úc	15/4/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân sửa đổi (Số 3, ngày 23 tháng 3 năm 2021)
54	G/SPS/N/AUS/363/Add.11	Úc	15/4/2021	Sửa đổi Đạo luật An ninh Sinh học của Úc năm 2015
55	G/SPS/N/TZA/125	Tanzania	16/4/2021	DEAS 1040: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Sắn viên
56	G/SPS/N/TZA/124	Tanzania	16/4/2021	DEAS 779: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Bột sắn chất lượng cao
57	G/SPS/N/TZA/123	Tanzania	16/4/2021	DEAS 742: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Tinh bột sắn làm thực phẩm
58	G/SPS/N/TZA/122	Tanzania	16/4/2021	DEAS 741: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Bột mì tổng hợp sắn
59	G/SPS/N/TZA/121	Tanzania	16/04/2021	AFDC 27 (552) DTZS Tiêu chuẩn chung về an toàn thực phẩm
60	G/SPS/N/MWI/20	Malawi	16/4/2021	DMS 349: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - Bột sắn ăn được
61	G/SPS/N/CAN/1384	Canada	16/4/2021	Thông báo về việc sửa đổi Danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép để mở rộng việc sử dụng một số chất phụ gia thực phẩm nhất định cho chất bổ sung sữa mẹ
62	G/SPS/N/BRA/1936	Brasil	19/4/2021	Dự thảo Chỉ thị Quy phạm số 1040, ngày 8 tháng 4 năm 2021.
63	G/SPS/N/MEX/392	Mexico	20/4/2021	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn NOM-060-ZOO-1999, Thông số kỹ thuật thú y cho chế biến nội tạng động vật
64	G/SPS/N/KOR/714	Hàn Quốc	20/4/2021	Quy định về chứng nhận HACCP đối với thực phẩm nhập khẩu
65	G/SPS/N/USA/3242	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu spinetoram; Quy tắc cuối cùng
66	G/SPS/N/USA/3241	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu Spinosad; Quy tắc cuối cùng
67	G/SPS/N/USA/3240	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu Penthioopyrad; Quy tắc cuối cùng
68	G/SPS/N/USA/3239	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu MCPA; Quy tắc cuối cùng
69	G/SPS/N/NZL/649	Niu-Di-Lân	21/4/2021	Dự thảo sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05).

70	G/SPS/N/NZL/648	Niu-Di-Lân	21/4/2021	Dự thảo sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05).
71	G/SPS/N/EU/482	Liên minh Châu Âu	21/4/2021	Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/630 ngày 16 tháng 2 năm 2021 bổ sung quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến một số loại hàng hóa được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và sửa đổi quyết định của Ủy ban 2007/275/EC
72	G/SPS/N/BRA/1937	Brasil	21/4/2021	Hướng dẫn quy phạm số 132 ngày 16 tháng 4 năm 2021, loại trừ <i>Setaria pumila</i> ra khỏi danh sách dịch hại kiểm dịch văng mặt ở Brasil và các biện pháp khác
73	G/SPS/N/USA/3244	Hoa Kỳ	26/4/2021	Kiến nghị kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn yêu cầu và đề nghị góp ý.
74	G/SPS/N/USA/3243	Hoa Kỳ	26/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu metaflumizone; Quy tắc cuối cùng
75	G/SPS/N/UGA/153	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 741: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - bột hỗn hợp lúa mì sẵn
76	G/SPS/N/UGA/151	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 1040, Đặc điểm kỹ thuật – sẵn viên
77	G/SPS/N/UGA/150	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 779, Đặc điểm kỹ thuật - bột sẵn chất lượng cao
78	G/SPS/N/EU/485	Liên minh châu Âu	26/4/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/619 ngày 15 tháng 4 năm 2021 sửa đổi quy định thực hiện (EU) 2020/2235, (EU) 2020/2236 và (EU) 2021/403 liên quan đến các điều khoản chuyển tiếp đối với việc sử dụng giấy chứng nhận thú y, sức khỏe động vật/chứng nhận chính thức
79	G/SPS/N/EU/484	Liên minh châu Âu	26/4/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/617 ngày 14 tháng 4 năm 2021 sửa đổi quy định thực hiện (EU) 2020/2235 và (EU) 2020/2236 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật và chứng nhận chính thức để gia nhập Liên minh thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật
80	G/SPS/N/EU/483	Liên minh châu Âu	26/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/632 ngày 13 tháng 4 năm 2021 đưa ra các quy tắc áp dụng đối với Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến danh sách động vật, sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm mầm, phụ phẩm động vật và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, sản phẩm hỗn hợp, cỏ khô và rơm rạ chịu sự kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và bãi bỏ Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2019/2007 và Quyết định của Ủy ban 2007/275 / EC

81	G/SPS/N/UGA/156	Uganda	27/4/2021	DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật, rau khô và thảo mộc dùng để sử dụng
82	G/SPS/N/UGA/154	Uganda	27/4/2021	DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật, Trái cây sấy khô
83	G/SPS/N/TUR/117	Thổ Nhĩ Kỳ	27/4/2021	Tiêu chuẩn Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Thông cáo dự thảo về các sản phẩm từ ong
84	G/SPS/N/KOR/716	Hàn Quốc	27/4/2021	Đề xuất sửa đổi cho "Quy định về công nhận thành phần chức năng và tiêu chuẩn - Thông số kỹ thuật cho thực phẩm chức năng y tế".
85	G/SPS/N/KOR/715	Hàn Quốc	27/4/2021	Dự thảo đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Đặc điểm kỹ thuật cho Thực phẩm Chức năng Y tế".
86	G/SPS/N/UKR/160	Ukraine	29/4/2021	Dự thảo Sắc lệnh "Phê duyệt mức dư lượng tối đa (MRL) của hàm lượng chlorpyrifos và chlorpyrifos-methyl trong nông sản/thực phẩm và về việc sửa đổi các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp"
87	G/SPS/N/SAU/452	Vương Quốc Ả Rập Xê út	29/4/2021	Các điều kiện và yêu cầu phải đáp ứng khi nhập khẩu mật ong và các sản phẩm từ ong vào Vương quốc Ả Rập Xê út
88	G/SPS/N/SAU/451	Vương Quốc Ả Rập Xê út	29/4/2021	Quy trình phê duyệt cơ quan kiểm soát có thẩm quyền nước ngoài và cơ sở quan tâm đến xuất khẩu sản phẩm thực phẩm sang Vương quốc Ả Rập Xê-út (KSA)
89	G/SPS/N/EU/486	Liên minh châu Âu	29/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/669 liên quan đến việc cho phép L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật và cơ sở L-lysine lỏng được sản xuất bởi corynebacterium casei KCCM 80190 hoặc corynebacterium glutamicum KCCM 80216 hoặc corynebacterium glutamicum KCTC 12307BP làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật
90	G/SPS/N/EU/487	Liên minh châu Âu	30/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/658 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu từ <i>Origanum vulgare</i> L. subsp. <i>hirtum</i> (Liên kết) cho phép. Var. Vulkan (DOS 00001) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/EU/431/Add.1	Liên minh châu Âu	06/4/2021	Từ chối cấp phép axit photphoric 60% trên chất dẫn silica làm phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm chức năng của chất bảo quản
2	G/SPS/N/CAN/1359/Add.1	Canada	06/4/2021	Tài liệu quản lý rủi ro RMD-20-02 về vật liệu chèn lót trên tàu
3	G/SPS/N/JPN/788/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
4	G/SPS/N/JPN/787/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
5	G/SPS/N/JPN/786/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
6	G/SPS/N/JPN/785/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
7	G/SPS/N/JPN/784/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
8	G/SPS/N/EU/402/Add.1	Liên minh châu Âu	07/4/2021	Mẫu chứng chỉ, chứng nhận và tờ khai chính thức cho một số loại động vật trên cạn và sản phẩm ở thời kỳ phôi thai
9	G/SPS/N/JPN/796/Add.1	Nhật Bản	08/4/2021	Sửa đổi "Pháp lệnh về tiêu chuẩn và đặc điểm kỹ thuật đối với thức ăn thú cảnh" (Pháp lệnh số 1 ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản/Bộ Môi trường Nhật Bản)

10	G/SPS/N/EU/415/ Add.1	Liên minh châu Âu	08/4/2021	Điều kiện nhập khẩu đối với ốc sên sống, sản phẩm hỗn hợp và vỏ bọc lưu thông trên thị trường làm thức ăn cho người
11	G/SPS/N/ BRA/1625/Add.2	Brasil	09/4/2021	Chỉ thị quy phạm số 88, ngày 26 tháng 3 năm 2021
12	G/SPS/N/ BRA/1624/Add.2	Brasil	09/4/2021	Nghị quyết - RDC số 487, ngày 26 tháng 3 năm 2021
13	G/SPS/N/ JPN/827/ Add.1	Nhật Bản	14/4/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Bảo vệ Thực vật và các yêu cầu liên quan
14	G/SPS/N/ CAN/1366/ Add.1	Canada	16/4/2021	Danh sách các loài động vật sống dưới nước mẫn cảm
15	G/SPS/N/GBR/5/ Add.1	Vương quốc Anh	19/4/2021	Các Quy định về kiểm soát chính thức và điều kiện KDTV (Sửa đổi) 2021
16	G/SPS/N/EU/443/ Add.1	Liên minh châu Âu	19/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho diclofop, fluopyram, ipconazole và terbutylazine trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định
17	G/SPS/N/EU/395/ Add.1	Liên minh châu Âu	19/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho benalaxyl, benalaxyl-M, dichlobenil, fluopicolide, proquinazid và pyridalyl trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định
18	G/SPS/N/ KOR/710/ Add.1	Hàn Quốc	27/4/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"
19	G/SPS/N/EU/398/ Add.1	Liên minh châu Âu	27/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho chlordecone trong hoặc trên các sản phẩm nhất định
20	G/SPS/N/EU/396/ Add.1	Liên minh châu Âu	27/4/2021	Mức dư lượng tối đa đối với fluxapyroxad, hymexazol, metamitron, penflufen và spirotetramat trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien> hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

